

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 296/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Lê Thị T** - sinh năm: 1991

Nơi cư trú: **Phố A, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.**

2. Anh **Trịnh Xuân Q** - sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: **thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 6 năm 2024, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị **Lê Thị T** và anh **Trịnh Xuân Q** kết hôn với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện H (nay là phường L), thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.** Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng thường xuyên xảy ra va chạm, không có tiếng nói chung dẫn đến trong gia đình

lục đục, ảnh hưởng nặng nề đến tình cảm vợ chồng. Nay chúng tôi đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

[2] Về con chung: Chị **Lê Thị T** và anh **Trịnh Xuân Q** thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu **Trịnh Phương A** - Sinh ngày 26/8/2014.

Ly hôn, hai bên thoả thuận về việc nuôi và cấp dưỡng tiền nuôi con chung như sau: Giao cháu **Trịnh Phương A** cho chị **Lê Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Trịnh Xuân Q** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh **Q** có quyền đi lại chăm sóc giáo dục con chung, không bên nào được ngăn cấm.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Chị **Lê Thị T** và anh **Trịnh Xuân Q** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh, chị thoả thuận chị **T** chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Thị T** và anh **Trịnh Xuân Q**.

- Về con chung: Chị **Lê Thị T** và anh **Trịnh Xuân Q** thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu **Trịnh Phương A** - Sinh ngày 26/8/2014.

Ly hôn, hai bên thoả thuận về việc nuôi và cấp dưỡng tiền nuôi con chung như sau: Giao cháu **Trịnh Phương A** cho chị **Lê Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Trịnh Xuân Q** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh **Q** có quyền đi lại chăm sóc giáo dục con chung, không bên nào được ngăn cấm.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị **Lê Thị T** và anh **Trịnh Xuân Q** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Hai bên thoả thuận, chị **Lê Thị T** nộp 300.000đ lệ phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp theo biên lai thu số

BLTU/23/0001523 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- UBND phường Long Anh,
TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Anh